

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/9/2024

V/v: ly hôn, tranh chấp

về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Nhạn

2. Bà Hà Thị Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa: Ông Cao Hồng Minh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Phạm Văn N - Sinh năm 1997

Địa chỉ: bản N, xã S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: chị Lương Thị M - Sinh năm 2000

Địa chỉ: bản N, xã S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa anh Phạm Văn N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Lương Thị M vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2024, Bản tự khai ngày 09/7/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Phạm Văn N trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Lương Thị M tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn vào ngày 09/10/2018. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường được khoảng ba năm thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do: tính cách vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng hay xảy ra cãi cọ, xô xát. Mặc dù cả hai đều cố gắng nhưng vẫn không cải thiện được. Anh và chị M đã ly thân kể từ năm 2021 đến nay không ai quan tâm tới nhau nữa.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị M được ly hôn.

Về con chung: anh và chị M có một con chung Phạm Trúc M, sinh ngày 08/11/2018. Hiện cháu M đang sống cùng chị M và ông bà ngoại. Khi ly hôn, anh đề nghị giao cháu M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Về tài sản và công nợ: anh Phạm Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh Phạm Văn N đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, anh Phạm Văn N còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Căn cước công dân của anh (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh cháu Phạm Trúc M (bản sao); Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia đối với Phạm Văn N và Lương Thị M; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án.

* *Về bị đơn*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp và phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng chị M không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với chị M để lấy lời khai của chị.

* *Tại biên bản xác minh ngày 23/8/2024*, ông Len Văn H - Trưởng bản N, xã S, cho biết:

Về hôn nhân: anh N và chị M kết hôn tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Điện vào năm 2018. Sau khi kết hôn, anh N, chị M sinh sống cùng nhau tại bản Na Lộc, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn. Sau khi sống chung thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được khoảng ba năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, một phần do vợ chồng đi làm xa, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh N, chị M không sống chung cùng nhau nữa. Nay anh N xin ly hôn chị M thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: anh N, chị M có một con chung Phạm Trúc M, sinh năm 2018. Hiện cháu M đang sống cùng chị M và gia đình ông bà ngoại. Nếu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản và công nợ: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Phạm Văn N đối với bị đơn chị Lương Thị M và giao con chung của anh, chị là Phạm Trúc M cho chị M có quyền trực tiếp nuôi dưỡng; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về án phí, anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Phạm Văn N và chị Lương Thị M các văn bản tố tụng của Tòa án; anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị M vắng mặt hai lần không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị M.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quan Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn N và chị Lương Thị M tự nguyện kết hôn ngày 09/10/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa anh N và chị M là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Thực tế, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Lương Thị M.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện 04/7/2024, Bản tự khai ngày 09/7/2024; Biên bản xác minh lấy ý kiến của Trưởng bản Na Lộc mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của anh N, chị M thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc.

Nay anh N có đơn ly hôn, HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của anh N đối với chị M.

[4] Về con chung: anh N và chị M có một con chung là Phạm Trúc M, sinh ngày 08/11/2018. Khi ly hôn, anh N có nguyện vọng giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét nguyện vọng của anh N về trách nhiệm nuôi con:

Qua chứng cứ các bên cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án, HĐXX thấy rằng, nguyện vọng của anh N là chính đáng, phù hợp; việc giao con chung cho ai nuôi phải xem xét tất cả các điều kiện liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất cho các cháu. Hiện cháu Phạm Trúc M đang học tập ổn định, phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ, đang sinh sống cùng chị M và gia đình bố mẹ ruột chị M. Do vậy, giao con chung Phạm Trúc M cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng cũng phù hợp với thực tế và tốt hơn cho sự phát triển của cháu.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của anh N; Giao cháu Phạm Trúc M, sinh ngày 08/11/2018 là con chung của anh N, chị M cho chị M có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: anh N không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản, công nợ chung: anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Phạm Văn N là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

[8] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn N.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn N được ly hôn chị Lương Thị M.

Về con chung: Giao cho chị Lương Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Trúc M, sinh ngày 08/11/2018. anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Phạm Văn N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo biên lai thu số 0002514, ký hiệu BLTU/23 ngày 04/7/2024. anh N đã nộp đủ án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Sơn Điện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Tùng